

Bản án số: 10/2018/KDTM-ST

Ngày 27 tháng 11 năm 2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thọ.

2. Bà Lê Thị Quỳnh Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2012/TLST-KDTM ngày 08 tháng 10 năm 2012 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (Ngân hàng S); địa chỉ: Số 25 đường T, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1970 “Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị”.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Vũ Đình K – Chức vụ: Trưởng Ban xử lý nợ và tài sản bảo đảm Miền Bắc kiêm Trưởng ban xử lý nợ và tài sản bảo đảm Miền Nam “văn bản ủy quyền số 953/2014/UQ ngày 27-8-2014” (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền lại: Bà Trần Thị Lan A, sinh năm: 1978 và ông Võ Duy H, sinh năm: 1979; địa chỉ: Số 270 đường L, phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu “văn bản ủy quyền số 4595/UQ ngày 10-10-2016” (ông H vắng mặt, bà Lan A có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Huỳnh Thanh S, sinh năm: 1955 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1958; địa chỉ: Số 25 đường B, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Nguyễn Bạch V, sinh năm: 1968; địa chỉ: Số 51 đường X, phường Y, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1 Ông Huỳnh Công T, sinh năm: 1967; địa chỉ: Số 21 đường B, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh S, sinh năm: 1955; địa chỉ: Số 25 đường B, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu “người giám hộ” (vắng mặt).

3.2 Anh Huỳnh Thanh P, sinh năm: 1978; địa chỉ: Số 25 đường B, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3.3 Anh Huỳnh Thanh B, sinh năm: 1982; địa chỉ: Số 25 đường B, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3.4 Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm: 1985; địa chỉ: Số 25 đường B, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3.5 Anh Huỳnh Thanh S, sinh năm: 1987 và chị Lê Thị Thanh T; địa chỉ: Số 25 đường B, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Lan A và ông Võ Duy H trình bày:

Ngày 03-3-2011, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh V (sau đây gọi là Ngân hàng S) và vợ chồng ông Huỳnh Thanh S, bà Nguyễn Thị H thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 10292/HĐTD/CN với nội dung: Ngân hàng S cho vợ chồng ông S, bà H vay 4.000.000.000đ, mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 07-3-2011 đến ngày 07-3-2012, lãi suất 19%/năm được điều chỉnh thành 20%/năm và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với nợ gốc quá hạn hoặc dư nợ quá hạn; phương thức trả gốc, tiền lãi vay: Trả lãi hàng tháng, gốc trả cuối kỳ; hạn trả nợ cuối cùng ngày 07-3-2012. Để bảo đảm cho khoản vay vợ chồng ông S, bà H thế chấp quyền sử dụng hai tài sản sau:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích đất 71,1m² ở thửa 93 tờ bản đồ số 06 phường P, thành phố B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi là Giấy CNQSD đất) số M469xxx do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 21-8-1998 cho bà Nguyễn Thị H.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất diện tích đất 336,9m² thuộc thửa 428 tờ bản đồ số 20 phường P, thành phố B, theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy CNQSD đất) số BC836xxx do UBND thành phố Bà Rịa cấp ngày 19-10-2010 cho ông Huỳnh Thanh S.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10292/HĐTC-QSĐĐ/CN ngày 04-3-2011 được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công chứng (số công chứng 519, quyển số 01/TP/CC-SCC/HDGD), đăng ký giao dịch bảo đảm lúc 14 giờ 00 ngày 04-3-2011, tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Bà Rịa (nay là Chi nhánh – Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Thực hiện thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn nêu trên, Ngân hàng S đã giải ngân số tiền vay 4.000.000.000đ cho vợ chồng ông S, bà H theo giấy nhận nợ ngày 07-3-2011.

Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông S, bà H mới thanh toán được 672.639.218đ tiền lãi (trong đó lãi trong hạn 671.444.445đ và lãi quá hạn 1.194.773đ), chưa thanh toán tiền gốc.

Do vợ chồng ông S, bà H không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận, điều đó đã vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở, đôn đốc nhưng khách hàng vẫn cố tình không thanh toán nợ vay đúng cam kết.

Tính đến hết ngày 26-11-2018 vợ chồng ông S, bà H còn nợ Ngân hàng S 12.619.890.743đ (trong đó nợ gốc 4.000.000.000đ, nợ lãi trong hạn 137.777.778đ và nợ lãi quá hạn 8.619.890.743đ).

Căn cứ vào Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004, Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc vợ chồng ông S, bà H phải thanh toán tiền gốc và lãi phát sinh tính đến hết ngày 26-11-2018 là 12.619.890.743đ theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 10292/HĐTD/CN ngày 03-3-2011 và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 27-11-2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

- Trường hợp vợ chồng ông S, bà H không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích đất 71,1m² thuộc thửa 93 tờ bản đồ số 06 phường P, thành phố B theo Giấy CNQSD đất số M469xxx do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 21-8-1998 cho bà Nguyễn Thị H và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với diện tích 336,9m² thuộc thửa số 428 tờ bản đồ số 20 phường P, thành phố B theo Giấy CNQSD đất số BC836xxx do UBND thành phố Bà Rịa cấp ngày 19-10-2010 cho ông Huỳnh Thanh S.

Vợ chồng ông S, bà H phải chịu toàn bộ án phí vụ kiện và các chi phí phát sinh theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn vợ chồng Huỳnh Thanh S, bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 03-3-2011, vợ chồng ông S, bà H có vay của Ngân hàng S số tiền 4.000.000.000đ, theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 10292/HĐTD/CN, nội dung của hợp đồng đúng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, mọi thủ tục giấy tờ liên quan, giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp đều do cán bộ tín dụng ngân hàng thực hiện, trên thực tế vợ chồng ông S, bà H không có doanh nghiệp, không có phương án trả nợ và khi cho vay ngân hàng không thẩm định tài sản thế chấp.

Để đảm bảo khoản vay này vợ chồng ông S, bà H đã thế chấp cho Ngân hàng S các tài sản sau:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 71,1m² ở thửa 93 tờ bản đồ số 06 phường P, thành phố B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M469xxx do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 21-8-1998 cho bà Nguyễn Thị H.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với diện tích đất 336,9m² thửa 428 tờ bản đồ số 20 phường P, thành phố B, theo Giấy CNQSD đất số BC 836xxx do UBND thành phố Bà Rịa cấp ngày 19-10-2010 cho ông Huỳnh Thanh S.

Thực hiện hợp đồng vợ chồng ông S, bà H có thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi còn tiền gốc chưa thanh toán.

Qua yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, vợ chồng ông S, bà H chỉ đồng ý thanh toán khoản nợ gốc 4.000.000.000đ, không đồng ý thanh toán tiền lãi và tiền lãi phát sinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công T (người đại diện theo pháp luật ông Huỳnh Thanh S), anh Huỳnh Thanh P, anh Huỳnh Thanh B, anh Huỳnh Thanh T, anh Huỳnh Thanh S và chị Lê Thị Thanh T trong quá trình tố tụng đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng:

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa là không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”. Buộc vợ chồng ông S, bà H phải thanh toán cho Ngân hàng S nợ gốc 4.000.000.000đ và lãi trong hạn, quá hạn tính đến thời điểm xét xử theo Hợp đồng đã ký kết. Sau khi bán đấu giá tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng S thì ông T được chia 1/14 giá trị của thửa đất số 428 tờ bản đồ số 20 phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tài sản gắn liền với đất. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng S yêu cầu vợ chồng ông S, bà H thanh toán tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 10292/HĐTD/CN ngày 03-3-2011 được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay ông H, ông S, bà H, bà V, ông T, anh P, anh B, anh T, anh S và chị T được triệu tập hợp lệ lần thứ ba, nhưng vẫn vắng mặt hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự về hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng S với vợ chồng ông S, bà H được xác lập ngày 03-3-2011, trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì thấy:

[2.1] Ngày 03-3-2011, Ngân hàng S và vợ chồng ông S, bà H thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 10292/HĐTD/CN với nội dung: Ngân hàng S cho vợ chồng ông S, bà H vay 4.000.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất

19%/năm được điều chỉnh thành 20%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với nợ gốc quá hạn hoặc dư nợ quá hạn.

[2.2] Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán nợ hai bên đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10292/HĐTC-QSDĐ/CN ngày 04-3-2011, được đăng ký giao dịch bảo đảm lúc 14 giờ 00 ngày 04-3-2011 tại Chi nhánh – Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích đất 71,1m² thuộc thửa 93 tờ bản đồ số 06 phường P, thành phố B, theo Giấy CNQSD đất số M469xxx do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 21-8-1998 cho bà Nguyễn Thị H và quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất diện tích đất 336,9m² thuộc thửa 428 tờ bản đồ số 20 phường P, thành phố B, theo Giấy CNQSD đất số BC836xxx do UBND thành phố Bà Rịa cấp ngày 19-10-2010 cho ông Huỳnh Thanh S.

[2.3] Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 10292/HĐTD/CN ngày 03-3-2011 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10292/HĐTC-QSDĐ/CN ngày 04-3-2011 được ký kết giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

[2.4] Thực hiện thỏa thuận Ngân hàng S đã giải ngân số tiền vay 4.000.000.000đ cho vợ chồng ông S, bà H theo “Giấy xác nhận nợ” ngày 07-3-2011.

[2.5] Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông S, bà H mới thanh toán cho Ngân hàng S được 672.639.218đ tiền lãi (trong đó lãi trong hạn 671.444.445đ và lãi quá hạn 1.194.773đ), chưa thanh toán tiền gốc theo thỏa thuận.

[2.6] Theo thỏa thuận tại Điều 1 của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 10292/HĐTD/CN ngày 03-3-2011 thì thời hạn vay là 12 tháng, tại Giấy nhận nợ ngày 07-3-2011 thể hiện vợ chồng ông S, bà H nhận tiền vay là ngày 07-3-2011 và ngày trả nợ cuối cùng là ngày 07-3-2012. Quá thời hạn theo thỏa thuận, nhưng vợ chồng ông S, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù đã được phía ngân hàng đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần mà cố tình không trả là vi phạm Điều 8 của hợp đồng tín dụng nói trên.

[2.7] Ông S cho rằng nhờ dịch vụ làm hồ sơ, thủ tục giấy tờ vay tiền của Ngân hàng S, ông không ký tên vào bất kỳ hồ sơ vay nào của ngân hàng mà do cán bộ tín dụng ngân hàng làm và có đơn tố cáo đến cơ quan chức năng. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng ông S thừa nhận vợ chồng có vay của Ngân hàng S 4.000.000.000đ để trả nợ cho Ngân hàng ViNa, sau khi trừ đi các chi phí và trả nợ thì Ngân hàng S giao lại 800.000.000đ. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông S, bà H đồng ý thanh toán tiền gốc 4.000.000.000đ và xin miễn tiền lãi vì hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn.

[2.8] Theo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Vũng Tàu và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bà Rịa thì hiện nay không có đơn vị nào thụ lý giải quyết liên quan đến đơn tố cáo của ông S tố cáo về hành vi vi phạm quy định về cho vay

trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và hành vi làm giả giấy tờ của cán bộ Ngân hàng S như ông S nêu trên.

[2.9] Vợ chồng ông S, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 10292/HĐTD/CN ngày 03-3-2011 nên ngân hàng đã chuyển thành nợ quá hạn và tính lãi suất trong hạn và quá hạn với mức lãi suất, thời gian vi phạm theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, cũng như các quy định của Ngân hàng nhà nước tại từng thời điểm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.10] Tính đến hết ngày 26-11-2018 vợ chồng ông S, bà H còn nợ Ngân hàng S 12.619.890.743đ (trong đó nợ gốc 4.000.000.000đ, nợ lãi trong hạn 137.777.778đ và nợ lãi quá hạn 8.619.890.743đ). Do vợ chồng ông S, bà H không có thiện chí thanh toán nên Ngân hàng S có đơn khởi kiện yêu cầu phải thanh toán toàn bộ số tiền nói trên là có cơ sở chấp nhận.

[2.11] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10292/HĐTC-QSĐĐ/CN ngày 04-3-2011 được ký kết giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Nếu như vợ chồng ông S, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[2.12] Đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa 428 tờ bản đồ số 20 phường P, thành phố B, theo Giấy CNQSD đất số BC836xxx do UBND thành phố Bà Rịa cấp ngày 19-10-2010. Tại Văn bản thỏa thuận chia di sản thừa kế ngày 23-9-2010 được Phòng công chứng số 2 tỉnh Bà Rịa công chứng (số công chứng 151, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD) thể hiện các đồng thừa kế thứ nhất của cụ Huỳnh Công D là cụ Lê Thị T, bà Huỳnh Thị Ngọc S, bà Huỳnh Thị Thanh T, ông Huỳnh Hữu S, bà Huỳnh Thị Ngọc M đều đồng ý tặng cho ông S toàn bộ phần di sản mà mình được thừa kế không kèm theo điều kiện. Riêng phần di sản mà ông Huỳnh Công T được thừa kế từ cha, nhưng do ông T bị bệnh tâm thần bẩm sinh nên ông Huỳnh Thanh S là người giám hộ có trách nhiệm quản lý, sử dụng, thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với phần di sản mà ông T được thừa kế theo pháp luật. Trong quá trình ông S làm thủ tục chỉnh lý cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Cơ quan có thẩm quyền không ghi chú nghĩa vụ của ông S trong việc làm người giám hộ cho ông T nên khi thế chấp Ngân hàng S ông S đã thế chấp luôn phần tài sản của ông T trong khối tài sản này mà ngân hàng không biết. Tại văn bản số 62/TN.MT ngày 05-3-2013 của Phòng tài nguyên và Môi trường thành phố Bà Rịa xác nhận “... *Khi viết giấy chứng nhận cho ông Huỳnh Thanh S, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã không ghi chú nghĩa vụ của ông S trong việc làm người giám hộ cho ông Huỳnh Công T đối với phần di sản của ông Huỳnh Công D là chưa đúng ý chỉ của những người thừa kế theo văn bản thỏa thuận thừa kế*”.

[2.13] Như vậy, khi xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 428 tờ bản đồ số 20 phường P, thành phố B, tỉnh

Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy CNQSD đất số BC 836xxx do UBND thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 19-10-2010 đứng tên ông S phải bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Công T. Theo quy định của pháp luật đương nhiên ông T được hưởng 1/7 trong tổng $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 428 tờ bản đồ số 20 phường P, thành phố B. Trường hợp ông S, bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nói trên và tiền lãi phát sinh mà Ngân hàng S yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ phải bảo đảm quyền lợi ích hợp pháp của ông T. Vì vậy, khi xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng S thì ông T được chia 1/14 giá trị tài sản (tương đương 721.815.242đ) và giao cho ông S là người giám hộ quản lý thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với phần di sản mà ông T được thừa kế theo pháp luật.

[2.14] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến khi xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất thuộc thửa số 428 tờ bản đồ số 20 phường P, thành phố B đồng ý để lại 1/14 trị giá tài sản thế chấp theo giá tại thời điểm bán đấu giá để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của ông T là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.15] Tại Biên bản lấy lời khai ông S ngày 06-10-2016 thể hiện trên thửa đất số 93 tờ bản đồ số 06 phường Phước Hiệp ngoài vợ chồng ông S, bà H còn có anh P, anh B, anh T, anh S và chị T sinh sống trên thửa đất này. Tòa án đã đưa vào tham gia tố tụng nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì. Trên thửa 428 tờ bản đồ số 20 phường Phước Hiệp, thành phố Bà Rịa có cụ Lê Thị T, ông Huỳnh Công T sinh sống nhưng cụ T đã chết ngày 07-12-2017 (Trích lục khai tử số 51/TLKT-BS ngày 15-3-2018 của UBND phường Phước Hiệp, thành phố Bà Rịa).

[2.16] Từ những nhận định và phân tích nêu trên, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với vợ chồng ông S, bà H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng số 10292/HĐTD/CN ngày 03-3-2011 và xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10292/HĐTC-QSDĐ/CN ngày 04-3-2011.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng cộng hết 1.400.000đ, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên vợ chồng ông S, bà H phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng S đã nộp tạm ứng nên vợ chồng ông S, bà H có nghĩa vụ hoàn trả.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng ông S, bà H phải chịu 120.619.890đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vợ chồng ông S, bà H là người trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí sơ thẩm nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 30, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 342, 343, 351, 355, 471, 474, 715, 719, 720 và 721 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 306 Luật thương mại và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với vợ chồng ông Huỳnh Thanh S, bà Nguyễn Thị H.

1.1 Buộc vợ chồng ông Huỳnh Thanh S, bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ 12.619.890.743 (mười hai tỷ, sáu trăm mười chín triệu, tám trăm chín mươi ngàn, bảy trăm bốn mươi ba) đồng, tính đến hết ngày 26-11-2018 theo Hợp đồng tín dụng số 10292/HĐTD/CN ngày 03-3-2011.

1.2 Buộc vợ chồng ông Huỳnh Thanh S, bà Nguyễn Thị H tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ kể từ ngày 27-11-2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ theo Hợp đồng tín dụng số 10292/HĐTD/CN ngày 07-3-2011.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, nếu vợ chồng ông Huỳnh Thanh S, bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nói trên và tiền lãi phát sinh, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 71,1m² thuộc thửa 93 tờ bản đồ số 06 phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M469xxx do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 21-8-1998 cho bà Nguyễn Thị H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với diện tích đất 336,9m² thuộc thửa 428 tờ bản đồ số 20 phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC836xxx do UBND thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 19-10-2010 cho ông Huỳnh Thanh S. Khi xử lý tài sản thế chấp này phải để dành lại 1/14 trị giá tài sản, giao cho ông Huỳnh Thanh S là người giám hộ của ông Huỳnh Công T quản lý.

Sau khi vợ chồng ông Huỳnh Thanh S, bà Nguyễn Thị H thanh toán xong toàn bộ số nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có nghĩa vụ trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc vợ chồng ông Huỳnh Thanh S, bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ 1.400.000 (một triệu, bốn trăm ngàn) đồng.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch cho vợ chồng ông Huỳnh Thanh S, bà Nguyễn Thị H. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ 56.351.000 (năm mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi một ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

018259 ngày 08-10-2012 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27-11-2018), các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. *“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- CN-VPĐKĐĐ thành phố Bà Rịa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Hoàng Đức